

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST

Ngày: 20/6/2019

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Y Hoa Mlô.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-KDTM ngày 13/8/2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 07/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-KDTM ngày 29/3/2019; Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 24/4/2019 và thông báo mở phiên tòa số 01/2019/TB-TA ngày 25/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 đường L, quận B, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – C/v: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hữu T – C/v: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh B - B Đắk Lắk.

Địa chỉ: 158 đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Ngọc T – C/v: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, Ngân hàng N – Chi nhánh B - B Đắk Lắk (văn bản ủy quyền số 219A/NHN0BH-KHKD ngày 20/9/2018); Có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Mai Đức T, bà Lê Thị Thanh H; Cùng trú tại: Số 11 đường T, tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt, (ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Mai Thị Anh Đ, sinh năm 2001; Trú tại: Số 11 đường T, tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; (hiện nay không rõ nơi cư trú) Vắng mặt.

Anh Mai Anh D, sinh năm 2003; Trú tại: Số 11 đường T, tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; (hiện nay không rõ nơi cư trú) Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn, Huỳnh Ngọc T trình bày: Ngày 16/04/2014, vợ chồng ông Mai Đức T, bà Lê Thị Thanh H có vay tiền của Ngân hàng N, Chi nhánh B phòng giao dịch Đ (nay là chi nhánh B - B Đắk Lắk) theo Hợp đồng tín dụng số 5208-LAV-20141607, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 12%/năm; mục đích vay mua bán xe máy, hàng tạp hoá, điện gia dụng.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên vợ chồng ông T, bà H có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TOĐK17/2011/TC ngày 16/3/2011, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thể hiện tại Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 20, diện tích 39m², tọa lạc tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC468014 do UBND huyện K cấp ngày 12/5/2005, đứng tên hộ ông Mai Đức T;

Thực hiện hợp đồng, ngày 25/01/2016 vợ chồng ông T mới trả được 10.000.000đồng tiền gốc. Kể từ ngày 25/01/2016 cho đến nay vợ chồng ông T không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng nữa và thường xuyên vắng mặt nơi cư trú gây khó khăn trong việc thu hồi nợ. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả cho Ngân hàng N, chi nhánh B - B Đắk Lắk, tổng số tiền 243.810.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc 140.000.000 đồng; nợ lãi 103.810.000 đồng (tính đến ngày 28/5/2018) và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp vợ chồng ông T, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán số nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TOĐK17/2011/TC ngày 16/3/2011, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thể hiện tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 20, diện tích 39m², tọa lạc tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC468014 do UBND huyện K cấp ngày 12/5/2005, đứng tên hộ ông Mai Đức T để thu hồi nợ.

- Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Đức T trình bày: ông T thừa nhận vào ngày 16/4/2014, vợ chồng ông T có vay của Ngân hàng N,

Chi nhánh B, Phòng giao dịch Đ nay Chi nhánh B- B Đăk Lăk với tổng số tiền 150.000.000; mục đích vay là để làm ăn kinh doanh. Khi vay vợ chồng tôi có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng tôi có thể chấp quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 20, diện tích 39m², tọa lạc tại phường A, thị xã B, tỉnh Đăk lăk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 468014 do UBND huyện K cung cấp 12/05/2005 đứng tên hộ ông Mai Đức T, theo Hợp đồng thế chấp năm 2011. Quyền sử dụng đất này là tài sản của vợ chồng tôi, tại thời điểm thế chấp cho ngân hàng các con của tôi đang còn nhỏ, còn phụ thuộc vào cha mẹ, không có công sức đóng góp gì. Thực hiện hợp đồng vợ chồng tôi chỉ trả được 10.000.000 đồng tiền gốc cho ngân hàng; Tuy nhiên sau đó do tôi bị tai nạn giao thông nên gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn; vợ chồng chúng tôi cùng các con về quê chữa bệnh cho tôi và làm ăn sinh sống tại thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả 243.810.000(Hai trăm bốn mươi ba triệu tám trăm mười ngàn đồng); Trong đó: Nợ gốc 140.000.000 đồng; nợ lãi 103.810.000 đồng(lãi tính đến ngày 28/05/2018) và tiếp tục tính lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 29/05/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng, tôi đồng ý trả số tiền này cho Ngân hàng. Trong trường hợp vợ chồng tôi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán nợ thì vợ chồng tôi đồng ý để cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất trên để thu hồ nợ trả cho ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nơi cư trú, mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ và nhắn tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc ông T phải trả cho Ngân hàng N, chi nhánh B - B Đăk Lăk, tổng số tiền 243.810.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc 140.000.000 đồng; nợ lãi 103.810.000đồng (tính đến ngày 28/5/2018) và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký. Về tài sản thế chấp trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đã được toà án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, giao các văn bản tố tụng cho người nhận là ông T, ông T cam kết giao lại các văn bản này cho người nhận là bà H, chị Đ, anh D, nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời uỷ thác cho toà án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam tổng đạt và thực hiện các thủ tục tố tụng nhưng không có kết quả, nên không thể công khai chứng cứ, tiến hành đối chất, hoà giải và xét xử được theo quy định tại Điều 205, Điều 207, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, Chi nhánh B - B Đăk Lăk, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Theo Hợp đồng tín dụng số 5208-LAV-20141607 Ngày 16/04/2014 Ngân hàng N, Chi nhánh B phòng giao dịch Đ (nay là chi nhánh B - B Đăk Lăk) có cho vợ chồng ông Mai Đức T, bà Lê Thị Thanh H số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 12%/năm; mục đích vay mua bán xe máy, hàng tạp hoá, điện gia dụng và để đảm bảo cho khoản vay nói trên vợ chồng ông T, bà H có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TODK17/2011/TC ngày 16/3/2011, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thể hiện tại Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 20, diện tích 39m², tọa lạc tại phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC468014 do UBND huyện K cấp ngày 12/5/2005, đứng tên hộ ông Mai Đức T. Song trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy chữ ký và chữ viết của bà H trong hợp đồng tín dụng với chữ ký và chữ viết của bà H trong đơn đăng ký thế chấp và hợp đồng thế chấp tài sản khác nhau nên Toà án tiến hành giám định chữ ký chữ viết của bà H. Tại Kết luận giám định số 44/PC09 ngày 20/5/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đăk Lăk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Thanh H dưới mục “Đại diện bên B (bên vay)” trong Hợp đồng tín dụng số 5208-LAV-20141607 Ngày

16/04/2014 so với chữ ký chữ viết của bà Lê Thị Thanh H trong đơn Yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TOĐK17/2011/TC ngày 16/3/2011 là **không phải do cùng một người ký và viết ra**. Do bà H vắng mặt nên không có cơ sở xác định bà H có cùng ông T sử dụng thụ hưởng số tiền này hay không để buộc liên đới trả nợ cùng ông T. Như vậy đối với khoản vay trên xác định chỉ cá nhân một mình ông Mai Đức T thực hiện nên ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là phù hợp.

[3.2] Thực hiện hợp đồng đến ngày 25/01/2016 ông T mới trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, từ ngày 25/01/2016 cho đến nay ông T không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng thêm khoản nào nữa kể cả gốc và lãi nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Buộc ông T phải trả cho Ngân hàng N, chi nhánh B - B Đăk Lăk, tổng số tiền 243.810.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc 140.000.000 đồng; nợ lãi 103.810.000 đồng (tính đến ngày 28/5/2018) và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã kí là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với tài sản thế chấp thuộc sở hữu chung của vợ chồng, trong đơn đăng ký thế chấp và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TOĐK17/2011/TC ngày 16/3/2011 được vợ chồng ông T, bà H đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng vay trước đó, còn Hợp đồng tín dụng số 5208-LAV-20141607 Ngày 16/04/2014 bà H không có ký kết trong hợp đồng, đồng thời các bên cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh vợ chồng ông T, bà H có bàn bạc thoả thuận hoặc uỷ quyền cho nhau chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TOĐK17/2011/TC ngày 16/3/2011 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5208-LAV-20141607 Ngày 16/04/2014 là không có cơ sở nên vô hiệu quy định tại Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 33, Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do hợp đồng thế chấp vô hiệu nên Ngân hàng N, chi nhánh B - B Đăk Lăk phải trả lại tài sản thế chấp cho vợ chồng ông T, bà H quyền sử dụng đất được thể hiện tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 20, diện tích 39m², tọa lạc tại phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC468014 do UBND huyện K cấp ngày 12/5/2005, đứng tên hộ ông Mai Đức T.

[4] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án xét thấy cần trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà H trong hợp đồng tín dụng để xét xử vụ án khách quan toàn diện. Về chi phí giám định là 5.440.000 đồng, Ngân hàng N, chi nhánh B - B Đăk Lăk phải chịu chi phí giám định (đã nộp và chi phí xong) quy định tại các Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Về án phí:

Ông T phải chịu án phí KDTM sơ thẩm và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 205, Điều 207, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-Điều 219, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, Chi nhánh B - B Đăk Lăk.

Buộc bị đơn ông Mai Đức T phải trả cho Ngân hàng N, Chi nhánh B - B Đăk Lăk, tổng số tiền là 243.810.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc 140.000.000 đồng; nợ lãi 103.810.000 đồng (lãi tính đến ngày 28/5/2018) và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng.

Về xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TOĐK17/2011/TC ngày 16/3/2011 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5208-LAV-20141607 ngày 16/04/2014 vô hiệu, Ngân hàng N, chi nhánh B - B Đăk Lăk phải trả lại tài sản thế chấp cho vợ chồng ông T, bà H là quyền sử dụng đất được thể hiện tại Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 20, diện tích 39m², tọa lạc tại phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC468014 do UBND huyện K cấp ngày 12/5/2005, đứng tên hộ ông Mai Đức T.

Về chi phí giám định: Ngân hàng N, chi nhánh B - B Đăk Lăk phải chịu chi phí giám định là 5.440.000đồng (đã nộp).

2. Về án phí:

Bị đơn ông Mai Đức T phải chịu 12.190.500đồng án phí KDTM sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng N, chi nhánh B - B Đăk Lăk 6.095.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0005370 ngày 10/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

HOÀNG MINH CHỨC